

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-PT  
Ngày 08 - 11 - 2022  
V/v Ly hôn giữa bà Th và ông C.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Văn Tùng

*Các Thẩm phán:*

Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:***

Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06-10-2022 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2022/HNGĐ-ST ngày 13-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn NT, xã NH, huyện NTr, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Kim C, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn NT, xã NH, huyện NTr, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Kim C là bị đơn trong vụ án

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Th, ông C có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Th và ông Bùi Kim C tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện NN, tỉnh NH (nay là huyện NTr, tỉnh Nam Định) vào

ngày 26-5-1994. Quá trình C sống, bà và ông C bất đồng về tính cách, lối sống, những năm gần đây bà đi làm ăn xa, bà nghi ngờ ông C ở nhà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2020 đến nay, bà và ông C sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm giữa bà và ông C không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Bùi Kim C.

Về con C: Bà Th và ông C có 2 con C là Bùi Văn Tâm sinh năm 1995 và Bùi Thị Thành sinh năm 1999. Hai con đã đủ 18 tuổi, lao động tự lập được nên bà không đề nghị giải quyết về việc nuôi con khi ly hôn.

Về tài sản C: Bà Th không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-6-2022 được bổ sung tại đơn đề nghị ngày 03-6-2022, ông Bùi Kim C trình bày: Việc kết hôn và hiện trạng con C của ông và bà Th có nội dung đúng như bà Th đã trình bày. Quá trình C sống, ông và bà Th có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng do bà Th nghi ngờ ông ngoại tình. Khoảng 5 năm nay vợ chồng ông không ăn ngủ cùng nhau, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Do tuổi tác vợ chồng đều đã cao nên ông không muốn ly hôn bà Vũ Thị Th.

Về con C, tài sản C: Ông C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 52/2022/HNGĐ-ST ngày 13-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định quyết định: Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Vũ Thị Th và ông Bùi Kim C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18-7-2022 ông Bùi Kim C là bị đơn trong vụ án có đơn kháng bản án với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết, ông C không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về quan hệ tình cảm. Ông Bùi Kim C vẫn giữ nguyên phần trình bày tại cấp sơ thẩm và đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung của vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông C đã trầm trọng, cuộc sống C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của bà Th là phù hợp với quy định tại

Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Bùi Kim C làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của ông Bùi Kim C về việc ông không đồng ý ly hôn thấy rằng: Bà Vũ Thị Th và ông Bùi Kim C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 26-5-1994 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hải, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình C sống bà Th và ông C tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, những năm gần đây bà Th thường xuyên đi làm ăn xa nhà, bà nghi ngờ ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2020 đến nay bà Th và ông C đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Ông C không muốn ly hôn nhưng ông cũng không có cách thức gì thuyết phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông C đã trầm trọng, cuộc sống C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của bà Th để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Bùi Kim C không được chấp nhận nên ông C phải nộp 300.000đ.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án :

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Kim C. Giữ nguyên án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Vũ Thị Th và ông Bùi Kim

C.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004651 ngày 19-5-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Kim C phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004694 ngày 18-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Văn Tùng**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu**

**Nguyễn Tiến Dũng**

**Lại Văn Tùng**